

Số: /NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

Dự thảo lần 2
(Đã tiếp thu, chỉnh sửa)

NGHỊ QUYẾT

Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 200/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 81/BC-HĐND-KTNS ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 với các nội dung như sau:

I. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023

1. Danh mục dự án bố trí vốn năm 2023 phải thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và đáp ứng điều kiện bố trí kế hoạch vốn theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Bố trí vốn trả nợ vay ODA.

3. Bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng (vốn tất toán các công trình đã quyết toán).

4. Bố trí vốn cho chuẩn bị đầu tư, các Chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Bố trí lại kế hoạch vốn cho những dự án đã cắt giảm năm 2022.

6. Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp, dự án có khả năng hoàn thành trong năm 2023.

7. Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới có trong danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

II. Nguồn vốn năm 2023

Tổng nguồn vốn năm 2023 là 6.019 tỷ 631 triệu đồng, bao gồm:

1. Vốn ngân sách địa phương: 5.021 tỷ 510 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 502 tỷ 210 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 3.514 tỷ 900 triệu đồng.
- Nguồn thu xổ số kiến thiết: 980 tỷ đồng.
- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 24 tỷ 400 triệu đồng.

2. Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước): 998 tỷ 121 triệu đồng.

(Kèm theo biểu tổng hợp)

III. Phương án phân bổ

1. Vốn ngân sách địa phương: 5.021 tỷ 510 triệu đồng *(kèm theo biểu số 1)*, bao gồm:

1.1. Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 502 tỷ 210 triệu đồng.

Bao gồm:

- Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố: 276 tỷ đồng.
- Vốn thực hiện dự án: 171 tỷ 610 triệu đồng.

Trong đó:

- + Dự án chuyển tiếp: 141 tỷ 030 triệu đồng.
- + Dự án khởi công mới: 30 tỷ 580 triệu đồng.
- Vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 30 tỷ đồng.
- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 20 tỷ đồng.
- Vốn chuẩn bị đầu tư: 4 tỷ 600 triệu đồng.

1.2. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 3.514 tỷ 900 triệu đồng.

Bao gồm:

- Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố: 1.533 tỷ 700 triệu đồng.
- Vốn thực hiện dự án: 1.981 tỷ 190 triệu đồng.

Trong đó:

- + Dự án chuyển tiếp: 1.563 tỷ 690 triệu đồng.
- + Dự án khởi công mới: 417 tỷ 500 triệu đồng.

1.3. Nguồn thu xổ số kiến thiết: 980 tỷ triệu đồng.

Bao gồm:

- Vốn thực hiện dự án: 755 tỷ 840 triệu đồng.

Trong đó:

+ Dự án chuyển tiếp: 626 tỷ đồng.

+ Dự án khởi công mới: 129 tỷ 840 triệu đồng.

- Vốn Chương trình MTQG nông thôn mới: 200 tỷ đồng.

- Tất toán công trình đã quyết toán: 7 tỷ 800 triệu đồng.

Riêng nguồn thu xổ số kiến thiết bố trí cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và y tế là 499 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 51%; bố trí vốn cho xây dựng nông thôn mới là 200 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 20% đảm bảo không thấp hơn quy định của trung ương.

2. Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước): 998 tỷ 121 triệu đồng.

2.1. Chương trình mục tiêu quốc gia: 354 tỷ 121 triệu đồng.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 149 tỷ 080 triệu đồng.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 3 tỷ 079 triệu đồng.

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 201 tỷ 962 triệu đồng.

2.2. Các chương trình mục tiêu: 470 tỷ đồng.

Trong đó:

- Dự án chuyển tiếp: 470 tỷ đồng.

2.3. Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: 174 tỷ đồng.

- Dự án khởi công mới: 174 tỷ đồng.

(chi tiết tại biểu số 2, phụ lục 2.1, phụ lục 2.2)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTTU, TTHĐND, UBND, Đoàn ĐBQH, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Hằng